

Bản án số: 21/2024/KDTM-PT

Ngày 09/8/2024

V/v "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Vinh

Bà Mai Vương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/DSPT ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 214/2024/QĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ - Trụ sở: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đình N - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang L - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty. (Theo Giấy ủy quyền ngày 22 tháng 7 năm 2024). (Có mặt).

\* Bị đơn: Công ty Cổ phần X - Trụ sở: A L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Công P - Chức vụ: Phụ trách phòng KH-KD của Công ty Cổ phần X và ông Võ Thanh P1 – chức vụ: Phụ trách kế toán – Công ty CP X (Theo Giấy uỷ quyền số: 166/GUQ-CT ngày 05/8/2024 của ông Vũ Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị). (Ông P có mặt, ông P1 vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần X: Ông Phạm Văn C, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: Số B N, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Công ty Cổ phần X, là Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:**

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần Đ là ông Nguyễn Quang L trình bày:*

Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là: Công ty Đ) và Công ty TNHH MTV X, nay chuyển đổi là Công ty Cổ phần X (sau đây viết tắt là: Công ty X) (Chi nhánh Công ty TNHH MTV X - Xí nghiệp C1 là đơn vị được uỷ quyền ký hợp đồng) (sau đây viết tắt là Công ty X) ký kết Hợp đồng kinh tế số: 32/HĐ-KT ngày 26/6/2018, dự án: Đường H đoạn L - T. Gói thầu: XL10 đoạn KM38 + đến đầu cầu K+88,09 và gói thầu XL24: Các cầu: Km 38+548,89; Km 39+983,507; KM40+768,33; Km41+88,09; Km 41+950,15 và Km43+122,19”, Hạng mục: Thảm mặt đường bê tông nhựa nóng, địa điểm: huyện H, thành phố Đà Nẵng và Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 25/9/2018. Tổng giá trị hợp đồng là 3.652.308.000đồng. Sau khi thực hiện hợp đồng Công ty Đ và Công ty X đã lập biên bản nghiệm thu khối lượng - Giá trị xây lắp hoàn thành số: 01/BBNT-GT ngày 30/9/2018, Công ty Đ đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2018. Công ty X đã thanh toán cho Công ty Đ được 3.506.000.000đồng Ngày 05/01/2022, Công ty X và Công ty Đ đã lập biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận đến ngày 31/12/2021 Công ty X còn nợ Công ty Đ tổng số tiền: 146.308.000đồng. Sau nhiều lần Công ty Đ yêu cầu Công ty X thanh toán nợ còn lại nhưng không được.

Nay Công ty Đ yêu cầu Công ty X thanh toán số nợ còn lại 146.308.000 đồng (Một trăm bốn sáu triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng).

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Cổ phần X, ông Trần Công P trình bày:*

Công ty Cổ phần X là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên X. Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên X - Xí nghiệp 309 là đơn vị phụ thuộc Công ty TNHH Một thành viên X.

Công ty X xác nhận gói thầu: XL10 đoạn KM38 + đến đầu cầu K+88,09 và gói thầu XL24: Các cầu: Km 38+548,89; Km 39+983,507; KM40+768,33; Km41+88,09; Km 41+950,15 và Km43+122,19", Hạng mục: Thảm mặt đường bê tông nhựa nóng, địa điểm: huyện H, thành phố Đà Nẵng là có.

Đối với số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng kinh tế số: 32/HĐ-KT ngày 26/6/2018 và Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 25/9/2018 giữa Công ty Đ và Chi nhánh Công ty X – Xí nghiệp 309, là 146.308.000 đồng, Công ty X có ý kiến như sau: Công ty Cổ phần X là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên X, Công ty X và các đơn vị trực thuộc hiện nay đang làm các thủ tục bàn giao, báo cáo nên số liệu thực tế Công ty X chưa có. Tuy nhiên, việc ký kết giữa Công ty Đ với Xí nghiệp C1 - Công ty TNHH MTV X và hợp đồng đã được thực hiện xong, trước khi Công ty Cổ phần X được thành lập (Công ty Cổ phần X được thành lập ngày 28/01/2019). Thực tế, Công ty TNHH MTV X trong quá trình tiến hành cổ phần hóa đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đối với Doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và sau khi đã có quyết định xác định giá trị doanh nghiệp của Bộ Q, Doanh nghiệp cổ phần hóa-Công ty TNHH MTV X vẫn ký nhiều hợp đồng trái luật. Đến thời điểm (28/01/2019) Công ty TNHH MTV X (pháp nhân được chuyển đổi) không còn tồn tại; không còn tư cách pháp nhân, đã để lại nhiều công trình còn dang dở không có khả năng tiếp tục thi công cũng như không còn tư cách pháp nhân để thanh quyết toán dự án - gói thầu. Theo quy định của pháp luật, sau khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, trong thời hạn 90 ngày, các đơn vị trực thuộc phải bàn giao toàn bộ hồ sơ của đơn vị về Công ty Cổ phần X, nhưng đến nay đã hơn 05 năm, kể từ ngày được thành lập Công ty cổ phần X vẫn chưa được nhận bàn giao tài sản, nguồn vốn, công nợ, người lao động từ Doanh nghiệp cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV X, trong đó có Chi

nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp 309, nên chưa đủ điều kiện pháp lý để tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, chưa làm xong báo cáo tài chính và quyết toán tài chính, nên chưa thực hiện việc bàn giao theo quy định của pháp luật. Do vậy, Công ty Cổ phần X đến nay vẫn hoàn toàn không có liên quan gì đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV X. Mặc nhiên, Công ty cổ phần X cũng không có quan hệ gì với Công ty Đ nên không có bất kỳ nghĩa vụ gì đối với Công ty Đ.

Vì vậy, đối với số nợ Công ty Đ yêu cầu thì Công ty Cổ phần X không chấp nhận.

*\* Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đ đã quyết định:*

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 92, Điều 117 của Bộ luật Dân sự,
- Khoản 4 Điều 202 Luật Doanh nghiệp
- Điều 50, Điều 74 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty Cổ phần Đ đối với Công ty Cổ phần X.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần X trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng (Một trăm bốn sáu triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu là: 7.315.400 đồng (Bảy triệu ba trăm mười lăm ngàn bốn trăm đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty Cổ phần Đ đã nộp là: 3.657.700 đồng (ba triệu sáu trăm năm bảy ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0007374 ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

\* Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn là Công ty Cổ phần X có đơn kháng cáo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Cổ phần X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần X giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần X phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

\* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X và Giữ nguyên nội dung bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần X giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ

thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần X thì thấy:

[1] Ngày 25/9/2018 giữa Công ty Cổ phần Đ và Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp C1 có ký kết Hợp đồng kinh tế số 32/HĐ-KT và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ để Công ty Cổ phần Đ thi công hạng mục: Thảm mặt đường bê tông nhựa nóng tại địa điểm huyện H, thành phố Đà Nẵng với giá trị hợp đồng là 3.652.308.000 đồng. Hợp đồng giữa các bên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, Điều 74 Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

[2] Theo Biên bản nghiệm thu khối lượng - giá trị xây lắp hoàn thành ngày 30/9/2018 thì Công ty Cổ phần Đ đã thực hiện các nội dung với số tiền 3.652.308.000 đồng, nhưng Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp C1 mới thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 3.506.000.000 đồng, mặt khác tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2022 cũng xác định Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp C1 còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng, do vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp C1 còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Công ty Cổ phần X cho rằng sau khi Công ty TNHH MTV X tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần X cho đến thời điểm hiện nay Công ty Cổ phần X và các đơn vị trực thuộc hiện nay đang làm các thủ tục bàn giao, báo cáo nên số liệu thực tế Công ty X chưa có, hơn nữa việc ký kết giữa Công ty Đ với Xí nghiệp C1 - Công ty TNHH MTV X và hợp đồng đã được thực hiện xong, trước khi Công ty Cổ phần X được thành lập nên Công ty Cổ phần Đ khởi kiện Công ty Cổ phần X là không đúng nên không chấp nhận trả nợ.

Xét ý kiến của Đại diện Công ty Cổ phần X thì thấy: Căn cứ khoản 4 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 92 của Bộ luật dân sự và khoản 4 Điều 202 của Luật Doanh nghiệp thì: *“Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của Công ty được chuyển đổi”*. Do đó, Công ty Cổ phần X là Công ty chuyển đổi từ

Công ty TNHH T1 Cổ phần nên phải kế thừa và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Xí nghiệp 309 là đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ và buộc Công ty Cổ phần X phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 50 Luật thương mại. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X và giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng như lời trình bày của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí:

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do buộc Công ty Cổ phần X phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng nên Công ty Cổ phần X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là  $(146.308.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 7.315.400$  đồng.

Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.657.700 đồng theo biên lai thu số 0007374 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty Cổ phần X phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng Công ty Cổ phần X đã nộp theo biên lai thu số 0000383 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều Điều 92, Điều 117 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Khoản 4 Điều 202 của Luật Doanh nghiệp ;
- Căn cứ Điều 50, Điều 74 Luật thương mại;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X. Giữ nguyên nội dung bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty Cổ phần Đ đối với Công ty Cổ phần X.

1. Buộc Công ty Cổ phần X trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 146.308.000 đồng. (*Một trăm bốn sáu triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần X phải chịu là 7.315.400 đồng.

Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.657.700 đồng theo biên lai thu số 0007374 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty Cổ phần X phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng Công ty Cổ phần X đã nộp theo biên lai thu số 0000383 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**



- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Dũng**

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Dũng**